

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____/TY-KD

V/v rà soát sản phẩm, thay đổi hành
chính của cơ sở sản xuất thịt từ
CHLB Đức vào Việt Nam

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Đại sứ quán CHLB Đức tại Hà Nội

Trả lời Công hàm số 365/2024 ngày 15/11/2024 của Đại sứ quán CHLB Đức tại Hà Nội về việc rà soát sản phẩm đã cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch từ CHLB Đức vào Việt Nam trong thời gian qua đối với các cơ sở được cấp phép, đủ điều kiện xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt vào Việt Nam (được đăng tải trên trang Web của Cục Thú y <https://cucthuy.gov.vn/>) và đề nghị thay đổi về hành chính của một số cơ sở sản xuất. Cục Thú y đề nghị Quý Đại sứ quán liên hệ giúp với Cơ quan thú y có thẩm quyền CHLB Đức thông báo nội dung như sau:

1. Căn cứ pháp lý để rà soát sản phẩm

- Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT. Theo đó, tại Mục 1, Phụ lục I quy định về Bảng mã số HS đối với danh mục động vật, sản phẩm động vật trên cạn thuộc diện phải kiểm dịch, trong đó phân loại sản phẩm động vật (lợn, trâu, bò, dê, cừu...) làm thực phẩm theo 03 nhóm hàng theo mã HS (thịt, phụ phẩm, mỡ).

- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn: Tại mẫu các đơn đăng ký kiểm dịch nhập khẩu của Doanh nghiệp yêu cầu ghi tên hàng (kèm theo mã HS), mã HS theo quy định Thông tư số 01/2024/TT-BNNPTNT.

- Căn cứ theo quy định tại Điều 6.8 Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Cục Thú y chấp thuận các cơ sở đăng ký xuất khẩu các sản phẩm thịt của các nước đã thống nhất về kiểm dịch xuất khẩu với Việt Nam và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Cục Thú y tại địa chỉ www.cucthuy.gov.vn

2. Chấp thuận sản phẩm lợn làm thực phẩm rà soát đã cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch từ CHLB Đức vào Việt Nam trong thời gian qua đối với các cơ sở được cấp phép, đủ điều kiện xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt vào Việt Nam; chấp thuận đề nghị thay đổi về tên một số cơ sở, địa chỉ cơ sở, đề nghị xóa một số cơ sở sản xuất của Cơ quan thú y có thẩm quyền CHLB Đức và cập nhật đưa đăng tải trên

cổng thông tin điện tử của Cục Thú y tại địa chỉ www.cucthuy.gov.vn (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

3. Đề nghị Cơ quan thú y có thẩm quyền CHLB Đức cập nhập các nội dung theo yêu cầu tại điểm 1, mục 2 của Công văn số 274/TY-KD ngày 10/02/2025 của Cục Thú y trong thời gian sớm nhất.

Cục Thú y trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ, giúp đỡ Đại sứ quán CHLB Đức tại Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Long

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 07

DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU TỪ CHLB ĐỨC VÀO VIỆT NAM
(Kèm theo Công văn số /TY-KD ngày tháng năm 2025 của Cục Thú y)

STT (trên trang Web Cục Thú y)	Tên cơ sở	Mã số	Địa chỉ	Loài động vật	Sản phẩm động vật đăng ký xuất khẩu vào Việt Nam	Ghi chú
3	Vion Crailsheim GmbH	DE BW 01110 EG	Tiefenbacher Straße 70, 74564 Crailsheim	Swine	-Fresh and frozen pork meat (HS code: 0203) -Frozen/Chilled edible pork offal (heart, liver, kidney), feet, ears, soft bone, moon bones, brisket bones (sternums), tongues, tongue root meat, skins, tail bones (HS code: 0206) -Pork fat. (HS code: 0209)	
5	Müller Fleisch GmbH	DE BW 03550 EG	Industriestraße 42, 75217 Birkenfeld, Germany	Swine	- Pig meat (HS code: 0203) -Frozen pork back paws (HS code: 0206)	Thay tên nhà máy, Tên cũ: Muller Fleisch GmbH
8	Vion SBL Landshut GmbH	DE BY 21492 EG	Am Banngraben 24, 84030 Landshut	Swine	-Fresh and frozen pork meat (HS code: 0203)	

					-Skins, feet, tongues, tongue root meat, ears, brisket bones (sternums) (HS code: 0206) -Pork fat (HS code: 0209)	
11	Nordfrost GmbH & Co. KG	DE EK 67 EG, DE EZ 202 EG, DE NW EUZ 220 EG	Im Industriegelände 25, 33775 Vermold	Swine	- Chilled/frozen pork meat (HS code: 0203) - Pork heart, liver, kidney; feet (HS code: 0206)	
12	Westfleisch SCE mbH, Fleischcenter Hamm	DE ES 147 EG DE EZ 119 EG	Kranstrasse 32, 59071 Hamm, Germany	Swine	- Chilled and frozen pork meat (HS code: 0203) - Hind feet, front feet; Frozen/chilled pork heart, liver, kidney, ears, femur bones, humerus bones, skin, tongues, soft bone, moon bones (HS code: 0206) - Pork fat (HS code: 0209)	
14	Westfleisch Erkenschwick GmbH	DE ES 249 EG DE EZ 206 EG	Industriestrasse 8-14, 45739 Oer, Erkenschwick, Germany	Swine	-Chilled/Frozen pork meat, meaty riblets (HS code: 0203) - Hind feet, front feet; Frozen/chilled pork heart, liver, kidney; rind, tail, brisket bones (sternum), soft bone, moon bones, piano bones, ear, femur bones, humerus bones, tongues, aorta (HS code: 0206) - Pork fat (HS code: 0209)	
15	Westfleisch SCE mbH Fleischcenter Coesfeld	DE ES 265 EG	Stockum 2, 48653 Coesfeld Germany	Swine	- Chilled and frozen pork meat, meaty riblets (HS code: 0203)	

		DE EZ 320 EG			- Frozen/Chilled pork feet, heart, liver, kidney, ears, soft bone, moon bones, tongues, rind/skin (HS code: 0206) - Pork fat (HS code: 0209)	
17	Heinrich Manten Qualitätsfleisch vom Niederrhein GmbH Co. KG	DE ES 397 EG DE EZ 568 EG	Mohlendyck 11, 47608 Geldern, Germany	Swine	-Frozen pork meat, Meaty riblets (HS code: 0203) -Front feet, hind feet, cartilage of belly, tongues, snouts, ears, Aorta (HS code: 0206)	
19	Fleischcenter Perleberg GmbH & Co. KG.	DE ES 996 EG DE EZ 996 EG	Buchholzer Chaussee 24, 19348 Perleberg/OT Quitow, Germany	Swine	-Fresh and frozen pork meat in bone and debone (HS code: 0203) -Pork heart, liver, kidney, feets, tongues, tongue root meat, ears, soft bones, moon bones, tail bones (HS code: 0206) - Fat (HS code: 0209)	
23	ELFERING Export GmbH	DE EZ 958 EG	Enscheder Str. 37, 48683 Ahaus - Alstatte	Swine	-Frozen pork (HS code: 0203) - Pork meat by - products, feets, tongues, softbones, moonbones, neck bones, piano bones, throats, rind/skin (HS code: 0206) Fat (HS code: 0209)	
24	Bochumer Fleischhandelsgesellsc haft mbH & Co. Kommanditgesellscha ft	DE EZ 97 EG	Freudenbergstraß e 45k, 44809 Bochum	Swine	Chilled/frozen pork meat (HS code: 0203)	Xóa nhà máy
30	SFB Fleisch-und Kühlcentrale GmbH & Co. KG	DE NI 10565 EG	Industriestraße 22 49451 Holdorf	Swine	-Fresh and frozen pork meat (HS code: 0203)	

					- Skins, edible pork offal (heart, liver, kidney), feets, ears, tongues, brisket bones(sternum) (HS code: 0206) - Pork fat (HS code: 0209)	
32	Rudolph Debbeler SCHWEDE Fleisch GmbH & Co, KG	DE NI 11000 EG	Penter Strasse 26, D 49134 Wallenhorst, Germany	Swine	-Pork meat, Pork meat MSM (HS code: 0203) - Ears, snouts (HS code: 0206) - Meat products Sausages	
37	FHG Fleischhandels- gesellschaft mbH	DE NI 11201 EG	Wiesendamm 1, 29378 Wittingen, Germany	Swine	-Frozen pork meat and meat cuts (HS code: 0203) - Frozen pork bone products, frozen red pork offal (heart, liver, kidney), feet, tails (HS code: 0206)	
39	BMR Schlachthof Garrel GmbH	DE NI 11503 EG	Dieselstraße 16A, 49681 Garrel, Germany	Swine	-Pork cuts (HS code: 0203) -Pork front feet, Pork head without ears, pork head with earn pork ears, (red offal: heart, liver, kidney), jowls, tongues, brisket bones (sternums) (HS code: 0206) - Fat (HS code: 0209)	
41	VION Emstek GmbH	DE NI 11806 EG	Wilhelm-Bunsen- Straße 15 49685 Emstek	Swine	- Chilled/frozen pork meat (HS code: 0203) - Pork heart, liver, kidney and skins (HS code: 0206) - Pork fat (HS code: 0209)	Xóa nhà máy

42	Danish Crown Fleisch GmbH	DE NI 11906 EG	Waldstraße 7, 49632 Essen Oldbg, Germany	Swine	- Fresh and frozen pork meat, riblets, spareribs (HS code: 0203) - Heart, liver, kidney, tongue, feet, heads, ears, jowls, snouts, skins, femur bones, humerus bones, soft bones, moon bones (HS code: 0206) Fat (HS code: 0209)	
44	Danish Crown Foods Oldenburg GmbH	DE NI 17568 EG	Georg-Bolts-Straße 10, 26135 Oldenburg Germany	Swine	Cured bacon-pork	Đổi tên nhà máy mới: Danish Crown Foods Oldenburg GmbH Tên cũ: Tulip Fleischwaren Oldenburg GmbH
47	Danish Crown GmbH	DE NI EZ 597 EG	Georg - Böls - Straße 10, 26135 Oldenburg, Germany	Swine	Fresh and frozen pork meat (HS code: 0203)	Xóa nhà máy
48	NWT-CT GmbH	DE NI 10860 EG	Industriestraße 19, 49767 Twist	Swine	- Frozen pork and Pork Meat products (HS code: 0203) - Feet, rinds, skins, ears, tongues, tongues root meat, moon bones, soft bone, piano bones, diaphragm, heart, femur bones (HS code: 0206) - Fats (HS code: 0209)	
56	Coldstore Hamm GmbH	DE NW-EK 103 EG DE NW-EUZ 105 EG	Kranstrasse 34, 59071 Hamm	Swine	- Chilled/Frozen pork meat, meaty riblets (HS code: 0203)	

					-Hind feet, front feet; frozen/chilled pork heart, liver, kidney; ears, soft bones, moon bone, brisket bones (sternums), tongue, femur bones, humerus bones (HS code: 0206)	
58	Tönnies Lebensmittel GmbH&Co.KG	DE NW-ES 202 EG, DE EZ 917 EG, DE EK 917 EG, DE NW 20202 EG	In Der Mark 2, 33378 Rheda- Wiedenbrück, North Rhine - Westphalia, Germany	Swine	-Fresh and frozen pork meat products (HS code: 0203) - Feets, snouts, jowls, ears, tongues, tails, rind, skin, soft bones, moon bone, brisket bones (sternums), femur bones, humerus bones, piano bones, heart, head meat (HS code: 0206) - Fats (HS code: 0209)	
59	SIMON-Fleisch GmbH	DE RP-ES 313 EG DE RP-EZ 335 EG	Gutenbergstraße 12, 54516 Wittlich, Germany	Swine	-Frozen pork meat (HS code: 0203) - Pork heart, liver, kidney; feet, tails, ear, brisket bones (sternum), piano bones, tongues, femur bones, humerus bones (HS code: 0206) - Fats (HS code: 0209)	
65	Schlachthof Bochum GmbH	DEES 126 EG	FreudenbergstraÙe 45k, 44809 Bochum	Swine	Chilled/frozen pork meat (HS code: 0203)	Xóa nhà máy
66	Crown Meat GmbH	DE-NI 10848 EG	Charlottenstrasse 9, 48529 Nordhorn, Germany.	Swine	-Frozen pork meat and meat cuts, MSM, bellies, spare ribs, loin ribs, riblets, single ribs (HS code: 0203) - Trimmings, jowls, diaphragm, feet, head, tails, frozen pork tongues, heart, liver, kidney, meaty sternum bones, belly soft bone	

					cartilage, moon bone cartilage, single ribs, rind, skin, tongues (HS code: 0206) - Minced Fat, back fat (HS code: 0209)	
67	Blömer Fleisch GmbH	DE EZ 1405 EG	Dorfstraße 18513 Vorland, Germany.	Swine	- Frozen pork cuts, pork ham 4D, pork front hock (HS code: 0203) - Pork hind feet, pork back skin, pork trimmings, brisket bones (sternum), tongues, jowls, ears, femur bones, humerus bones, Heart (HS code: 0206) - Pork cutting fat, pork back fat (HS code: 0209)	- Tên nhà máy mới: Blömer Fleisch GmbH - Tên nhà máy cũ: Blömer Fleisch GmbH - Mã số mới: DE EZ 1405 EG - Mã số cũ: EZ - 1405 EG